

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu.

- Tên gói thầu: “Gói thầu 01: Dịch vụ kiểm soát và diệt mối, chuột, côn trùng (*ruồi, muỗi, kiến, gián*) năm 2026-2027 khu vực 01”;
- Tên công trình: Dịch vụ kiểm soát và diệt mối, chuột, côn trùng (*ruồi, muỗi, kiến, gián*) năm 2026-2027;
- Chủ đầu tư: Công ty Lưới điện cao thế TP Hồ Chí Minh (Cty LĐCT);
- Bên mời thầu: Công ty Lưới điện cao thế TP Hồ Chí Minh;
- Nguồn vốn: chi thường xuyên bằng nguồn vốn Sản xuất kinh doanh;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng;
- Nội dung công việc: thực hiện tổ chức phun thuốc, đặt thuốc định kỳ 01 lần mỗi tháng để diệt, kiểm soát côn trùng (*ruồi, muỗi, kiến, gián*) và chuột bằng công nghệ sinh học; phun thuốc, đặt thuốc tăng cường/phát sinh khi có yêu cầu từ đơn vị quản lý và khả năng đáp ứng của Nhà thầu.
- Địa điểm thực hiện: tại trụ sở Cty LĐCT, nhà điều hành (NĐH) các Đội trực tiếp sản xuất và các trạm biến áp (TBA) 110kV có/không người trực, các TBA 220kV do Cty LĐCT quản lý năm 2026 – 2027 – Khu vực 01 theo danh sách được nêu dưới mục “III. 2. Vị trí và số lượng chi tiết”.

II. Mục tiêu công việc.

Nhằm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện đầy đủ các nội dung của gói thầu đạt chất lượng, tiến độ công việc; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được nêu dưới đây.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

1. Yêu cầu chung.

Nhà thầu phải có thuyết minh trình bày chi tiết quy trình các bước thực hiện, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện, biện pháp an toàn, ... gọi chung là phương án thi công (PATC) để làm cơ sở tổ chức thực hiện hoàn tất gói thầu theo yêu cầu.

Tần suất thực hiện:

- Phun thuốc diệt côn trùng (*ruồi, muỗi, kiến, gián*): định kỳ 01 vị trí/tháng/lần.
- Đặt thuốc diệt chuột: định kỳ 01 vị trí/tháng/lần.
- Phun và đặt thuốc diệt mối: định kỳ 01 vị trí/3tháng/lần.
- Kiểm tra, thu gom và vệ sinh các vị trí đặt thuốc diệt chuột: sau khi đặt thuốc từ 05 đến 07 ngày.

Đảm bảo sau khi phun/đặt thuốc khả năng/hiệu quả diệt và kiểm soát chuột, muỗi, côn trùng phải đạt trên 90% tối thiểu 10 ngày đầu tiên không phát sinh. Trường hợp không đạt hiệu quả như yêu cầu, Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra và phun/đặt thuốc khắc phục không quá 48 giờ.

Nhà thầu phải luôn cử ít nhất 02 nhân sự thường trực 24/7 (kể cả ngày nghỉ, lễ, Tết) tại khu vực mỗi Đội VH (đội VH1, VH2, VH3, VH4) quản lý để tiếp nhận yêu cầu và xử lý sự cố, triển khai công việc ngay sau khi nhận được thông báo từ các Đội VH.

Sau khi thi công, vật dụng liên quan đến chất thải nguy hại, Nhà thầu phải có biện pháp xử lý đảm bảo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Nhà thầu phải có nhân lực tại TP Hồ Chí Minh để đảm bảo khả năng bảo hành và đáp ứng tính kịp thời các yêu cầu đột xuất trong quá trình thực hiện gói thầu.

Có quy trình quản lý/kiểm soát chất lượng đầu vào vật tư/vật liệu; quy trình kiểm tra, nghiệm thu công việc/sản phẩm trong quá trình thực hiện gói thầu.

2. Vị trí và số lượng chi tiết.

Bảng 01: vị trí.

Stt	Tên vị trí	Địa chỉ	Diện tích (m2)
I	Đội Vận hành 1:		
1	NDH Đội QLVHTBA1	Đường Dương Bạch Mai, phường 5, Quận 8, TP.HCM	-
2	TBA 110kV An Nghĩa	Đường Rừng Sác, ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông, Huyện Cần Giò, TP.HCM	1.156
3	TBA 110kV Bến Thành	230 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận I, TP.HCM	2.233
4	TBA 110kV Cần Giò	Xã Long Hòa, Huyện Cần Giò, TP.HCM	2.906
5	TBA 110kV Chánh Hưng	122 Phạm Thế Hiển, phường 2, Quận 8, TP.HCM	3.665
6	TBA 110kV Chợ Quán	628 - 630 Đường Võ Văn Kiệt, Phường 10, Quận 5, TP.HCM	5.277
7	TBA 110kV Đa Kao	Cạnh số 142 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận I, TP.HCM	900
8	TBA 110kV Hùng Vương	132 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, TP.HCM	1.568
9	TBA 110kV Long Thới	Lô D2TĐ, Khu D, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	4.347
10	TBA 110kV Nam Sài Gòn 1	860 Khu phố 3, Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	3.144
11	TBA 110kV Nam Sài Gòn 3	Đường số 06, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	3.753
12	TBA 110kV Phú Định	Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, TP.HCM	7.683
13	TBA 110kV Phú Mỹ Hưng	Lô H1 đường Nguyễn Phan Chánh, KĐT Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	6.474

Stt	Tên vị trí	Địa chỉ	Diện tích (m2)
14	TBA 110kV Tân Thuận	Đường số 8, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	4.845
15	TBA 110kV Thị Nghè	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Bến Nghé, Quận I, TP.HCM	500
16	TBA 110kV Việt Thành	Nguyễn Văn Linh, Khu Phố 1, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM	6.645
17	TBA 220kV Quận 8	Đường Dương Bạch Mai, phường 5, Quận 8, TP.HCM	4.459
II	Đội Vận hành 2:		
1	NDH Đội QLVHTBA2	Đường Số 3, Phường Hiệp Bình Phước, TP Thủ Đức, TP.HCM	-
2	TBA 110kV An Khánh	Đường Trần Nãi nối dài, Phường Bình Khánh, TP Thủ Đức, TP.HCM	2.878
3	TBA 110kV Bình Lợi	Hẻm 16, Đường Bình Lợi, phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	1.274
4	TBA 110kV Bình Triệu	2/1 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, TP Thủ Đức, TP.HCM	2.833
5	TBA 110kV Hòa Xa	100/338A Thích Quảng Đức, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	3.637
6	TBA 110kV Intel	Đường Vành Đai Phía Đông Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, TP Thủ Đức, TP.HCM	7.149
7	TBA 110kV Linh Trung 1	KCX Linh Trung, Quốc Lộ 1A, Phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TP.HCM	2.468
8	TBA 110kV Linh Trung 2	86 Lô B, Ngõ Chí Quốc, Phường Bình Chiểu, TP Thủ Đức, TP.HCM	2.660
9	TBA 110kV nhà máy nước Thủ Đức	Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TP.HCM	2.332
10	TBA 110kV Phú Hữu	Đường 659, KDC Phú Nhuận, phường Phước Long B, TP Thủ Đức, TP.HCM	1.344
11	TBA 110kV Tân Sơn Nhất	Đường Hoàng Minh Giám, phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	992
12	TBA 110kV Tăng Nhơn Phú	Lô K2 Đường Lê Văn Việt, Phường Tân Phú, TP Thủ Đức, TP.HCM	2.688
13	TBA 110kV Thanh Đa	11 Nguyễn Xí, phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	2.433
14	TBA 110kV Thảo Điền	Đường Mai Chí Thọ, phường An Phú, TP Thủ Đức, TP.HCM (gần chùa Pháp viện Minh Đăng Quang)	971

Stt	Tên vị trí	Địa chỉ	Diện tích (m2)
15	TBA 110kV Thủ Đức Đông	Cạnh nhà số 555 Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP.HCM	3.637
16	TBA 110kV Xa Lộ	162 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	1.744
17	TBA 220kV Công Nghệ Cao	Lô K3/1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP Thủ Đức, TP.HCM	7.149
18	TBA 220kV Hiệp Bình Phước	Đường Số 3, Phường Hiệp Bình Phước, TP Thủ Đức, TP.HCM	7.776
19	TBA 220kV Tân Cảng 2	722 Trần Trọng Kim, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	2.229
III	Đội Vận hành 3:		
1	NDH Đội QLVHTBA3	93 Trần Tấn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM	-
2	TBA 110kV Bà Quẹo	93 Trần Tấn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM	8.507
3	TBA 110kV Bình Phú	Đường Sông Hành, phường 10, Quận 6, TP.HCM	1.886
4	TBA 110kV Bình Trị Đông	Kế Số 815/5/2/11 sau Bệnh Viện Bình Tân, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP.HCM	6.543
5	TBA 110kV Chợ Lớn	277 Minh Phụng, Phường 2, Quận 11, TP.HCM	3.627
6	TBA 110kV Hòa Hưng	Đường Trường Sơn, phường 15, Quận 10, TP.HCM	1.291
7	TBA 110kV Lê Minh Xuân	Đường số 1, ấp 7, Xã Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	3.261
8	TBA 110kV Nam Sài Gòn 2	Hung Long, Quy Đức, ấp 6, Xã Hưng Long, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	3.296
9	TBA 110kV Tân Bình 1	54/3 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	3.323
10	TBA 110kV Tân Bình 2	Đường Thoại Ngọc Hầu, phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP.HCM	1.800
11	TBA 110kV Tân Bình 3	Bờ bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM	1.336
12	TBA 110kV Tân Tạo	Tân Tạo, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM	3.480
13	TBA 110kV Tân Túc	Đường Bùi Thanh Khiết, Xã Tân Túc, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	12.760
14	TBA 110kV Trường Đua	Số 02 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP.HCM	3.044

Stt	Tên vị trí	Địa chỉ	Diện tích (m2)
15	TBA 110kV Vĩnh Lộc	KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM	3.250
16	TBA 220kV Bình Tân	482 Quốc Lộ 1A, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.HCM	10.298
IV	Đội Vận hành 4:		
1	NDH Đội QLVHTBA4	Áp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	-
2	TBA 110kV Bàu Đưng	Áp Xóm Mới, Xã An Nhơn Tây, Huyện Củ Chi, TP.HCM	7.067
3	TBA 110kV Củ Chi	07 Nguyễn Văn Kha, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM	3.602
4	TBA 110kV Đông Thạnh	447 Đặng Thúc Vịnh, Ấp 1, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	6.767
5	TBA 110kV Gò Vấp	Đường Cây Trâm, phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	2.756
6	TBA 110kV Láng Cát	Áp Láng Cát, xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.HCM	2.207
7	TBA 110kV Lưu động Bà Điểm	Cư xá Bà Điểm, Quốc Lộ 22, xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	1.710
8	TBA 110kV Phú Hòa Đông	Áp Chợ, xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi, TP.HCM	4.743
9	TBA 110kV Tân Hiệp	Áp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	2.187
10	TBA 110kV Tân Phú Trung	Lô KT3, đường D5 và đường N6, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM	7.583
11	TBA 110kV Tân Quy	Đường Trung An, Ấp Hội Thạnh, Xã Trung An, Huyện Củ Chi, TP.HCM	7.055
12	TBA 110kV Tham Lương	Đường Phan Văn Hón, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM	975
13	TBA 110kV Thạnh Lộc	Tinh lộ 16, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM	2.399
14	TBA 110kV Xuân Thới Sơn	Đường Nguyễn Văn Búra, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	3.341
15	TBA 220kV Củ Chi 2	Áp Bàu Tròn, Xã Nhuận Đức, Huyện Củ Chi, TP.HCM	39.535
V	Trụ sở Cty LDCT và nhà điều hành các Đội:		
1	Trụ sở Công ty Lưới điện cao thế TP Hồ Chí Minh	Số 113 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	11.026

Stt	Tên vị trí	Địa chỉ	Diện tích (m ²)
2	Nhà điều hành Đội Quản lý Lưới điện 1	Lô H01, Khu A, đường Nguyễn Phan Chánh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	1.500
3	Nhà điều hành Đội Quản lý Lưới điện 2	Số 02 Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP Thủ Đức, TP.HCM	1.376

Bảng 02: Nhóm diện tích và số lần thi công.

Stt	Vị trí và diện tích của vị trí	ĐVT	Số lượng vị trí	S/lg phun 24 tháng
A	Diệt và kiểm soát côn trùng, muỗi:			
1	Nhóm 1: diện tích nhỏ hơn 2.500m ²	Vị trí/tháng/lần	25	600
2	Nhóm 2: diện tích từ 2.500m ² đến dưới 5.000m ²	Vị trí/tháng/lần	24	576
3	Nhóm 3: diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	Vị trí/tháng/lần	13	312
4	Nhóm 4: diện tích từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²	Vị trí/tháng/lần	03	72
5	Nhóm 5: diện tích trên 15.000m ²	Vị trí/tháng/lần	01	24
B	Dịch vụ diệt và kiểm soát chuột:			
1	Nhóm 1: diện tích nhỏ hơn 2.500m ²	Vị trí/tháng/lần	25	600
2	Nhóm 2: diện tích từ 2.500m ² đến dưới 5.000m ²	Vị trí/tháng/lần	24	576
3	Nhóm 3: diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	Vị trí/tháng/lần	13	312
4	Nhóm 4: diện tích từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²	Vị trí/tháng/lần	03	72
5	Nhóm 5: diện tích trên 15.000m ²	Vị trí/tháng/lần	01	24
C	Dịch vụ phun và đặt thuốc diệt muỗi:			
1	Nhóm 1: diện tích nhỏ hơn 2.500m ²	Vị trí/3tháng/lần	25	200
2	Nhóm 2: diện tích từ 2.500m ² đến dưới 5.000m ²	Vị trí/3tháng/lần	24	192
3	Nhóm 3: diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	Vị trí/3tháng/lần	13	104
4	Nhóm 4: diện tích từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²	Vị trí/3tháng/lần	03	24
5	Nhóm 5: diện tích trên 15.000m ²	Vị trí/3tháng/lần	01	8

3. Yêu cầu về chi tiết công việc.

Nhà thầu phải có thuyết minh trình bày chi tiết PATC phù hợp với tính chất công việc của gói thầu, gồm một số nội dung chính như sau:

Bảng 03: Mô tả công việc chi tiết.

Stt	Nội dung công việc	Yêu cầu đáp ứng
1	Phun thuốc diệt côn trùng.	
1.1	Biện pháp đảm bảo vệ sinh, an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các tấm vải mềm, sạch, kích thước 3,00x4,00m che phủ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ bên trong nhà trước khi phun thuốc. - Hóa chất hoặc chế phẩm sinh học nằm trong danh mục cho phép lưu hành, sử dụng của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
1.2	Phun tồn lưu bên trong nhà	- Sử dụng bình phun áp lực phun hỗn hợp dung dịch thuốc (nồng độ 0,5% - dung môi nước) định mức 01 lít dung dịch/20m ² , lên toàn bộ bề mặt tường, gầm bàn ghế, gầm tủ, các nhà vệ sinh, các nơi ẩn nấp khác của côn trùng (tuyệt đối không phun hay để hóa chất rơi rớt trên thiết bị, đồ dùng, dụng cụ, ...). Thuốc có tác dụng tồn lưu tiếp tục diệt trừ côn trùng gây hại sau khi phun.
1.3	Phun không gian bên trong nhà	- Sử dụng máy phun áp lực cao phun dung dịch thuốc Permethrin 50EC hoặc tương đương (nồng độ 1% - dung môi nước) trong không gian, định mức 01 lít dung dịch/2.000m ² nhằm diệt tức thì các côn trùng bay.
1.4	Phun tồn lưu bên ngoài nhà	- Sử dụng máy phun áp lực cao phun dung dịch thuốc (nồng độ 2% - dung môi nước), định mức 01 lít dung dịch/30m ² , cho toàn bộ diện tích bề mặt tường phía ngoài của tòa nhà, bụi cây, bãi cỏ, cống rãnh, đường đi, ... Thuốc có tác dụng tồn lưu diệt trừ và ngăn chặn côn trùng gây hại xâm nhập vào các khu vực bên trong.
1.5	Phun không gian bên ngoài nhà	- Sử dụng máy phun áp lực cao phun mù nhiệt hỗn hợp thuốc (nồng độ 1% - dung môi Diesel) dạng khói, xuống cống rãnh, trong các lùm cây hoặc không gian kín nhằm diệt trừ và phá hủy nơi trú ngụ và sinh sản của côn trùng gây hại.
1.6	Kiểm soát côn trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Không phát hiện tình trạng côn trùng sinh sôi nhiều hoặc gây ảnh hưởng đến khu vực công cộng, khu ăn uống, văn phòng. - Thuốc và phương pháp sử dụng phải nằm trong danh mục được Bộ Y tế cho phép. - Tỷ lệ tái phát < 5% sau mỗi đợt phun. - Hồ sơ nghiệm thu bao gồm hóa chất sử dụng, tần suất và thời gian đảm bảo theo đúng hợp đồng.
2	Phun và đặt thuốc diệt mối	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ 01 lần/tháng xử lý phun tổng thể. Sau đó theo dõi và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm chất lượng. - Công tác xử lý giữa các lần triển khai dịch vụ: thường xuyên kiểm tra nếu có phát sinh mối tại bất cứ khu vực nào, Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật xử lý ngay hoặc phải xử lý trong vòng 4 giờ nếu nhận thông tin từ Chủ đầu tư mà không tính thêm bất kể một khoản phí nào. - Xử lý diệt mối tận gốc bằng các lắp đặt trạm thuốc có thành phần hoạt chất như sau: - 1% w/w Bistrifluron.

Stt	Nội dung công việc	Yêu cầu đáp ứng
3	Kiểm soát mối	<ul style="list-style-type: none"> - Không phát hiện tổ mối, đường đi của mối hoặc dấu hiệu phá hoại vật liệu (gỗ, tường, giấy tờ, dây điện...). - Thực hiện đúng quy trình: khảo sát – xử lý – theo dõi – báo cáo. - Sau mỗi quý, đơn vị phải có báo cáo đánh giá hiệu quả phòng chống mối tại các khu vực được giao.
3	Đặt thuốc diệt chuột.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuốc diệt chuột nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam; - Hoá chất/thuốc: Storm hoặc tương đương; - Hướng dẫn sử dụng: Đặt bả ở cửa hang, dọc theo đường đi của chuột hoặc nơi chuột hay đến ăn kết hợp với đặt bẫy chuột. - Cán bộ kỹ thuật của nhà thầu tiếp tục kiểm tra thuốc diệt chuột tại các vị trí đã xử lý, thu gom xác chuột chết nếu có về nơi tiêu hủy. - Nhà thầu cam kết thuốc có tác dụng trong thời gian tối thiểu 03 tháng. - Nhà thầu cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành và Bảng thông tin an toàn (MSDS) của hóa chất.
4	Kiểm soát chuột	<ul style="list-style-type: none"> - Không phát hiện chuột sống, dấu vết chuột (phân, vết cắn, đường đi) trong khu vực đã kiểm soát. - 100% điểm đặt bẫy/keo được kiểm tra, thu gom và thay mới đúng tần suất theo hợp đồng. - Không gây mùi khó chịu, không ảnh hưởng đến thiết bị, hành khách và nhân viên làm việc trong khu vực. - Báo cáo định kỳ hàng tuần/tháng: ghi rõ số lượng chuột bắt được, khu vực phát hiện, biện pháp xử lý bổ sung.
4	Vệ sinh môi trường	<p>Không sử dụng hóa chất ngoài danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam.</p> <p>Không gây ô nhiễm, không ảnh hưởng đến sức khỏe con người và hệ thống thiết bị kỹ thuật của Cảng.</p> <p>Tất cả nhân viên phải được đào tạo về an toàn hóa chất, có trang bị bảo hộ khi làm việc.</p> <p>Thu gom và tiêu hủy rác thải, xác chuột, bao bì thuốc theo đúng quy định về môi trường.</p>
5	Phòng chống cháy nổ, PCCC	Có biện pháp bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ, không để xảy ra cháy nổ phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.
6	Biện pháp an toàn điện theo Quy trình an toàn (QTAT) trong EVN (số 278/QĐ-EVN ngày 25/02/2026 và 279/QĐ-EVN ngày 25/02/2026)	Có “Biện pháp an toàn trong thi công công trình trong các TBA 110kV trở lên”.
7	Biện pháp an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự tại công trường	Có biện pháp an toàn vệ sinh lao động phù hợp với biện pháp tổ chức thi công (đặt biển báo, rào chắn tại những vị trí nguy hiểm; cấp điện, liên lạc trong quá trình thi công;

Stt	Nội dung công việc	Yêu cầu đáp ứng
		<i>biện pháp phối hợp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, cho nhân sự tham gia gói thầu (bồi huấn/hướng dẫn QTAT, bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị, ...).</i>

4. Tiến độ, thời gian thực hiện.

Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng.

Tần suất thực hiện:

- Phun thuốc diệt côn trùng (*ruồi, muỗi, kiến, gián*): định kỳ 01 vị trí/tháng/lần.
- Đặt thuốc diệt chuột: định kỳ 01 vị trí/tháng/lần.
- Phun và đặt thuốc diệt mối: định kỳ 01 vị trí/3tháng/lần.
- Kiểm tra, thu gom và vệ sinh các vị trí đặt thuốc diệt chuột: sau khi đặt thuốc từ 05 đến 07 ngày.

Công tác định kỳ, thời gian làm việc từ 07 giờ 30' đến 16 giờ 30' các ngày làm việc trong tuần (*từ thứ hai đến thứ sáu, ngoại trừ ngày nghỉ lễ, tết*) và có lịch đăng ký công tác được đơn vị quản lý trực tiếp thông qua.

Khi có sự cố bất thường (*động vật bò sát hoang xuất hiện trong TBA có thể gây mất điện lưới điện đang vận hành*), Nhà thầu phải cử nhân viên kỹ thuật đến hiện trường xem xét, đánh giá và xử lý khắc phục sự cố ngay sau khi nhận được thông báo từ đơn vị quản lý trực tiếp:

- Không quá 02 giờ: trong giờ làm việc từ 7g30' đến 16g30' từ thứ hai đến thứ sáu;
- Không quá 04 giờ: ngoài giờ làm việc, hoặc trong các ngày thứ bảy, chủ nhật;
- Không quá 24 giờ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định.
- Thời gian xử lý sự cố không quá 04 giờ.

5. Tổ chức và nhân sự.

Do yêu cầu nghiêm ngặt về công tác an toàn (*an toàn lao động và an toàn điện cao thế 110kV, 220kV*) theo các quy định hiện hành của EVN, EVNHCMC khi thi công trong các TBA 110kV có/không người trực, các TBA 220kV *đang vận hành/mang điện*. Nhà thầu cần đáp ứng các tiêu chí sau:

- Nhân sự tối thiểu **08** người (*chia làm 02 nhóm, 04 người/nhóm*). Trong đó:
 - ✓ Công dân Việt Nam trong độ tuổi lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc của gói thầu;
 - ✓ Trưởng nhóm/Chỉ huy (02 người – đã kê khai theo “Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt” mục 2.2. Chương III): Có hồ sơ chứng minh kinh nghiệm đã từng thi công thường xuyên trong các TBA 110kV trở lên tối thiểu 2 năm hoặc 1 hợp đồng tương tự; Trình độ Cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành theo tính chất công việc của gói thầu (*Kỹ thuật môi trường, Công nghệ sinh học, ...*); Có giấy chứng nhận huấn luyện ATLD-VSLĐ Nhóm 1 còn hiệu lực;
 - ✓ Nhân sự thi công/Công nhân kỹ thuật (06 người): Có hồ sơ chứng minh kinh nghiệm đã từng thi công thường xuyên trong các TBA 110kV trở lên tối thiểu 6

tháng hoặc 1 hợp đồng tương tự, đã được đào tạo/huấn luyện/bồi huấn về nghiệp vụ theo tính chất công việc của gói thầu; Có giấy chứng nhận huấn luyện ATLĐ-VSLĐ Nhóm 3 còn hiệu lực;

- ✓ Nhà thầu phải đính kèm danh sách, liệt kê thông tin lý lịch cơ bản của nhân sự cung cấp cho gói thầu (*Họ và tên, năm sinh, CCCD, đ/c thường trú, chứng chỉ/giấy chứng nhận, thẻ ATLĐ (nếu có), ...*);
- ✓ Khuyến nghị Nhà thầu có đề xuất nhân sự đáp ứng đủ điều kiện theo quy định về giám sát an toàn điện tại các TBA 110kV trở lên.
- Luôn cử ít nhất 02 nhân sự thường trực 24/7 (*kể cả ngày nghỉ, lễ, Tết*) tại khu vực mỗi Đội VH (*đội VH1, VH2, VH3, VH4*) quản lý đề tiếp nhận yêu cầu và xử lý sự cố, triển khai công việc ngay sau khi nhận được thông báo từ các Đội VH;
- Nhóm công tác của Nhà thầu vào TBA 110kV, 220kV thi công phải có “Thẻ ATLĐ-VSLĐ” và được “Xác nhận bồi huấn, hướng dẫn kiến thức về Quy trình An toàn (QTAT), Quy định công tác an toàn” trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-EVN ngày 25/02/2026 và 279/QĐ-EVN ngày 25/02/2026;
- Phải có thuyết minh giải pháp và phương pháp luận về “Biện pháp an toàn trong thi công công trình tại các TBA 110kV, 220kV”.
- Nhà thầu cam kết:
 - ✓ Chịu trách nhiệm về an toàn lao động nhân viên kỹ thuật khi làm việc: gần thiết bị đang vận hành/mang điện cao áp; trên cao, bên trong và bên ngoài các tòa nhà từ tầng trệt đến tầng 03 (*từ 3m-14m, tùy vị trí*);
 - ✓ Phải đảm bảo tuân thủ an toàn lao động và vệ sinh lao động trong quá trình thi công. Tuân thủ mọi sự hướng dẫn của đơn vị chủ quản trực tiếp đại diện của Chủ đầu tư.

6. Máy móc/thiết bị/dụng cụ thi công.

Máy móc/thiết bị/dụng cụ phun thuốc phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho công việc, không gây ô nhiễm môi trường xung quang tại nơi tổ chức thi công.

Nhà thầu phải trang bị đầy đủ “Phương tiện, thiết bị, dụng cụ thi công, ...” theo mục 2.2b. (*nhà thầu kê khai, đại diện Chủ đầu tư sẽ kiểm tra trong quá trình nhà thầu thi công*).

7. Hóa chất hoặc chế phẩm sinh học cung cấp cho gói thầu.

Các loại hóa chất hoặc chế phẩm sinh học sử dụng cung cấp cho gói thầu phải nằm trong danh mục cho phép lưu hành, sử dụng của cơ quan chức năng thuộc Bộ Y tế.

Nhà thầu cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hóa chất và bảng thông tin an toàn (MSDS) của hóa chất sử dụng cung cấp cho gói thầu. Hoặc có bảng tóm tắt thông tin về đặc tính, hoạt chất, thương hiệu, mã hiệu, xuất xứ, nước sản xuất, hình ảnh minh họa, ...

Hóa chất hoặc chế phẩm sinh học sử dụng cung cấp cho gói thầu gồm có:

Bảng 04: Hóa chất hoặc chế phẩm sinh học.

Stt	Tên	Hoạt chất chính	Nồng độ sử dụng	Nhà thầu chào
-----	-----	-----------------	-----------------	---------------

1	Storm hoặc tương đương	Flocumafen	100-200 g/ha	Đáp ứng
2	Racumin 0.75TP hoặc tương đương	Coumatetra	50g/bả + 19 phần thức ăn mà chuột ưa thích (gạo, ngô..)	Đáp ứng
3	Roden 2DP hoặc tương đương	Warfarin	200g/ha	Đáp ứng
4	Keo bẫy chuột (Hàn Quốc) hoặc tương đương	Styrene Butadiene 70%+ Resin Polymer 5% + PP 3% + PE 12% + phụ gia 10%	Đặt tại các góc ngách, hốc kẹt..	Đáp ứng
5	Cypusa 100EC hoặc tương đương	10% w/v cypermethrin (100g/l)	Pha 15ml chế phẩm + 1 lít nước	Đáp ứng
6	Termosant 10SC hoặc tương đương	10% w/v Alpha-cypermethrin	Pha 10ml chế phẩm + 1 lít nước	Đáp ứng
7	Fendona 10SC hoặc tương đương	10% w/v Alpha-cypermethrin	Pha 5ml chế phẩm + 1 lít nước	Đáp ứng
8	Perme UK 50EC hoặc tương đương	50% w/v Permethrin	Pha 100ml chế phẩm + 10 lít nước	Đáp ứng
9	Per Japan 525EC hoặc tương đương	50% w/v (500g/l) Permethrin+ chất phụ cộng hưởng 2.5% w/v (25g/l) Piperonyl butoxide	Pha 8ml chế phẩm + 1 lít nước	Đáp ứng
10	Fendona 10SC hoặc tương đương	10% w/v Alpha - Cypermethrin	Pha 5ml chế phẩm vào 1 lít nước sạch	Đáp ứng
11	STMED Permethrin 50EC hoặc tương đương	50% w/v Permethrin	Pha 20ml chế phẩm vào 1 lít nước sạch	Đáp ứng
12	Cypado 25EC hoặc tương đương	25% w/v Cypermethrin	Pha 20ml chế phẩm vào 1 lít nước sạch	Đáp ứng

Trong trường hợp Nhà thầu đề xuất sử dụng hóa chất tương đương thì phải chứng minh tính chất tương đương của hóa chất do Nhà thầu đề xuất so với hóa chất gói thầu yêu cầu như trên.

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT của mình bảng “Tuyên bố đáp ứng” yêu cầu về kỹ thuật được quy định tại các Bảng 01-04, Chương này, đính kèm các tài liệu liên quan. Trong bảng “Tuyên bố đáp ứng” yêu cầu về kỹ thuật, Nhà thầu thực hiện như sau:

- Tuyên bố đáp ứng: Đối với mỗi yêu cầu kỹ thuật, Nhà thầu chỉ được tuyên bố là “Đáp ứng hoàn toàn” hoặc “Không đáp ứng”.
- “Đáp ứng hoàn toàn”: Nhà thầu đáp ứng hoàn toàn yêu cầu.
- “Không đáp ứng”: nhà thầu không đáp ứng một phần hay hoàn toàn yêu cầu.

8. Bảo hiểm.

Nhà thầu cần có “Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm công cộng” để có trách nhiệm pháp lý bồi thường đối với những thiệt hại bất ngờ về người (*giới hạn trách nhiệm 1 tỷ đồng/mỗi và mọi vụ tổn thất, giới hạn cho mỗi người là 100 triệu*

đồng/người/vụ) hoặc những tổn thất hay thiệt hại bất ngờ về tài sản (giới hạn trách nhiệm 1 tỷ đồng/mỗi và mọi vụ tổn thất) phát sinh trong quá trình thực hiện gói thầu.

Khuyến nghị Nhà thầu cần thực hiện mua BHTNRR, BHXH, BHYT cho 100% người lao động của Nhà thầu thực hiện gói thầu, để đảm bảo tuân thủ quy định của luật pháp hiện hành.

9. Chất lượng đầu ra dịch vụ.

Stt	Chất lượng đầu ra của dịch vụ	Nhà thầu chào
I	Phun thuốc diệt côn trùng.	
1	Pha thuốc theo đúng tỷ lệ. Phun đều, không phun thuốc diệt muỗi quá nhiều vào một vùng nhất định. Phun theo chiều từ trên cao xuống thấp, phun theo hướng giạt lùi để đảm bảo thuốc có thể lan tỏa ra mọi vị trí.	Đáp ứng
2	Thời điểm phun vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối, khi muỗi thường xuất hiện nhiều nhất với điều kiện thời tiết không mưa, ít gió.	Đáp ứng
3	Phun thuốc tại không gian xung quanh, theo chân tường, vào khe kẽ, gầm tủ kệ, đường cống, tường xung quanh tòa nhà, khu vực cửa ra vào, cửa thang máy, khu vực vườn cây xung quanh, kho/bãi VTTB, ... để diệt muỗi, côn trùng bằng máy phun mù nhiệt (xông khói), máy phun dạng sương mù, bình phun tồn lưu (áp lực- bình xịt tay) tùy vị trí.	Đáp ứng
4	Kiểm soát số lượng muỗi: đánh giá ngoại quan xác nhận có giảm $\geq 90\%$ số lượng muỗi và kiểm soát sự lan truyền của chúng ≥ 10 ngày.	Đáp ứng
5	Số lượng muỗi giảm đều tại tất cả các khu vực sau khi được phun thuốc	Đáp ứng
6	Xử lý lượng thuốc còn dư, vật dụng liên quan đến chất thải nguy hại, đảm bảo đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; tuyệt đối không để lại các khu vực làm việc.	Đáp ứng
II	Đặt thuốc diệt chuột.	
	Chuột chết sau 02 - 03 ngày ăn bả	Đáp ứng
	Sau khi đặt thuốc từ 05 đến 07 ngày: Kiểm tra, thu gom xác chuột chết; vệ sinh và khử mùi các vị trí đặt thuốc diệt chuột đảm bảo sạch sẽ cho khu vực xung quanh	Đáp ứng
	Khu vực đặt thuốc phải được dọn dẹp, vệ sinh trả lại hiện trạng ban đầu như trước khi đặt thuốc	Đáp ứng
III	Phun và đặt thuốc diệt mối.	
1	Kiểm tra toàn bộ các khu vực nhằm phát hiện kịp thời dịch hại, phun hóa chất để tiêu diệt và phòng ngừa mối.	Đáp ứng
2	Phun tâm hóa chất để phòng ngừa mối.	Đáp ứng
3	Sử dụng hóa chất gây dịch lan truyền để tiêu diệt toàn tổ mối.	Đáp ứng

10. Bảo hành dịch vụ.

Sau mỗi đợt thực hiện dịch vụ, Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành dịch vụ cung cấp cho gói thầu trong thời gian 30 ngày (tính từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu của đợt đó).

Cam kết đảm bảo (bảo hành) sau khi phun/đặt thuốc khả năng/hiệu quả diệt và kiểm soát chuột, muỗi, côn trùng, mối phải đạt trên 90% tối thiểu 10 ngày đầu tiên không phát sinh. Trường hợp không đạt hiệu quả như yêu cầu, Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra và phun/đặt thuốc khắc phục không quá 48 giờ.

Trong thời gian bảo hành dịch vụ, nếu thấy xuất hiện muỗi, côn trùng gây hại, chuột, mối, Chủ đầu tư sẽ thông báo để Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo hành dịch vụ cho Chủ đầu tư.

Trong thời gian bảo hành (30 ngày) nếu Chủ đầu tư phải thông báo đến Nhà thầu lần thứ nhất yêu cầu thực hiện bảo hành dịch vụ, Nhà thầu phải bảo hành dịch vụ đầy đủ cho Chủ đầu tư, đồng thời Nhà thầu sẽ bị nhắc nhở và cần xem xét lại chất lượng dịch vụ.

Nếu Nhà thầu để sự việc trên diễn ra lần thứ hai Chủ đầu tư phải yêu cầu thực hiện bảo hành dịch vụ cho 01 đợt (30 ngày), ngoài việc Nhà thầu phải thực hiện bảo hành dịch vụ đầy đủ cho Chủ đầu tư, Nhà thầu còn bị phạt 20% giá trị hợp đồng của 01 đợt mà Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký hợp đồng.

Nếu Nhà thầu để sự việc trên diễn ra lần thứ ba Chủ đầu tư phải yêu cầu thực hiện bảo hành dịch vụ cho 01 đợt (30 ngày) ngoài việc Nhà thầu phải thực hiện bảo hành dịch vụ đầy đủ cho Chủ đầu tư, Nhà thầu còn bị phạt 50% giá trị hợp đồng của 01 đợt mà Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký hợp đồng.

Nếu Nhà thầu để sự việc trên diễn ra lần thứ tư, Chủ đầu tư phải yêu cầu thực hiện bảo hành dịch vụ cho 01 đợt (30 ngày) thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng.

11. Giải pháp và phương pháp luận.

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận.
2. Kế hoạch công tác.

12. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm.

Sau mỗi đợt thi công, đại diện Bên mời thầu/Chủ đầu tư xác nhận kết quả và đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc và cách thức như sau:

- Bố trí nhân sự, phương tiện, thiết bị, hóa chất phục vụ cho gói thầu đầy đủ theo yêu cầu và theo cam kết.
- Thiết lập “Biên bản nghiệm thu hóa chất hoặc chế phẩm sinh học” cung cấp cho gói thầu, có cập nhật thông tin/dữ liệu trong quá trình thi công;
- Thiết lập “Biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ và xác nhận khối lượng thực tế thi công”, có cập nhật thông tin/dữ liệu trong quá trình thi công;
- Đảm bảo an toàn tài sản tại vị trí/khu vực thi công;
- Tinh thần trách nhiệm của nhân viên đối với công việc (*làm việc đúng giờ, đúng tầng suất yêu cầu, ...*);
- Tác phong trong công việc và giao tiếp của nhân viên luôn nghiêm túc, hòa nhã với CBCNV của Chủ đầu tư;
- Điều kiện vật chất, thiết bị và hình thức bên ngoài của nhân viên;

- Tính chất an toàn trong công tác thực hiện dịch vụ;
- Tổ chức biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công cung cấp dịch vụ;
- Cung cấp dịch vụ đúng như cam kết và hợp đồng đã ký.

Kết thúc lập biên bản nghiệm thu có chữ ký của 2 bên gồm: Chủ đầu tư và Nhà thầu để phục vụ công tác quyết toán, thanh toán hợp đồng.

Ngoài ra Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra đột xuất để đánh giá chất lượng dịch vụ do Nhà thầu cung cấp theo nguyên tắc như trên./.

13. Khảo sát hiện trạng.

Nhà thầu có thể liên hệ đại diện Cty LĐCT để khảo sát hiện trạng “Gói thầu 01: Dịch vụ kiểm soát và diệt mối, chuột, côn trùng (*ruồi, muỗi, kiến, gián*) năm 2026-2027 khu vực 01” nhằm có thêm cơ sở để lập hồ sơ dự thầu.

Thông tin liên hệ: Phòng KH-VT – Cty LĐCT. Địa chỉ: 113 Phở Quang, phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028 38 446764 – 028 22 172229.

PHỤ LỤC: DỊCH VỤ CUNG CẤP CHO GÓI THẦU

Trong E-HSĐT nhà thầu phải đính kèm bảng giá chào chi tiết cho từng hạng mục dịch vụ cung cấp cho gói thầu rồi kết xuất giá trị “**Tổng cộng (A + B): Thành tiền (đã bao gồm VAT)**” khi lập “Mẫu số 11B - Bảng giá dự thầu” trên Webform của hệ thống. Bảng giá chào chi tiết, Nhà thầu lập theo mẫu sau (trong đó nêu rõ xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu của từng chủng loại hóa chất hoặc chế phẩm sinh học):

Stt	Hạng mục	Đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Số lần	Đơn giá chưa bao gồm VAT	VAT		Đơn giá đã bao gồm VAT	Thành tiền (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền (đã bao gồm VAT)
							%	Số tiền			
A	Diệt và kiểm soát côn trùng, muỗi:										
1	Nhóm 1: diện tích nhỏ hơn 2.500m ²		Vị trí	25	24	...	10%
2	Nhóm 2: diện tích từ 2.500m ² đến dưới 5.000m ²		Vị trí	24	24		10%				
3	Nhóm 3: diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²		Vị trí	13	24		10%				
4	Nhóm 4: diện tích từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²		Vị trí	03	24		10%				
5	Nhóm 5: diện tích trên 15.000m ²		Vị trí	01	24		10%				
Cộng A:											
B	Dịch vụ diệt và kiểm soát chuột:										

Stt	Hạng mục	Đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Số lần	Đơn giá chưa bao gồm VAT	VAT		Đơn giá đã bao gồm VAT	Thành tiền (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền (đã bao gồm VAT)
							%	Số tiền			
1	Nhóm 1: diện tích nhỏ hơn 2.500m ²		Vị trí	25	24	...	10%
2	Nhóm 2: diện tích từ 2.500m ² đến dưới 5.000m ²		Vị trí	24	24		10%				
3	Nhóm 3: diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²		Vị trí	13	24		10%				
4	Nhóm 4: diện tích từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²		Vị trí	03	24		10%				
5	Nhóm 5: diện tích trên 15.000m ²		Vị trí	01	24		10%				
Cộng B:											
C	Dịch vụ phun và đặt thuốc diệt mối:										
1	Nhóm 1: diện tích nhỏ hơn 2.500m ²		Vị trí	25	8		10%				
2	Nhóm 2: diện tích từ 2.500m ² đến dưới 5.000m ²		Vị trí	24	8		10%				
3	Nhóm 3: diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²		Vị trí	13	8		10%				

Stt	Hạng mục	Đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Số lần	Đơn giá chưa bao gồm VAT	VAT		Đơn giá đã bao gồm VAT	Thành tiền (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền (đã bao gồm VAT)
							%	Số tiền			
4	Nhóm 4: diện tích từ 10.000m ² đến dưới 15.000m ²		Vị trí	03	8		10%				
5	Nhóm 5: diện tích trên 15.000m ²		Vị trí	01	8		10%				
Cộng C:											
Tổng cộng (A + B + C):											
<i>Bảng chữ: ... đồng./.</i>											

Nhà thầu có thể chào hóa chất hoặc chế phẩm sinh học được nêu trong E-HSMT hoặc loại hóa chất hoặc chế phẩm sinh học khác “*Tương đương*” (“*Tương đương*”: được hiểu là tương đương về mặt thông số kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ) nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh. Nếu nhà thầu không có tài liệu chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn thì được xem là không đạt về mặt kỹ thuật.

Nhà thầu cần tính đơn giá chưa bao gồm VAT (*khuyến cáo làm tròn đến hàng đơn vị*), đến phần thuế (*với thuế suất tương ứng*), tính đơn giá sau thuế rồi kết xuất thành tiền. Việc tính toán ngược lại (*đơn giá đã bao gồm VAT chia thuế suất ra đơn giá chưa bao gồm VAT*) có thể gây ra số lẻ sau hàng đơn vị cho đơn giá chưa bao gồm VAT, sẽ khó xử lý khi ký kết hợp đồng, xuất hóa đơn sau này.

Nhà thầu tạm thời áp dụng mức **VAT 10%** cho tất cả các dịch vụ, hàng hóa để chào thầu và là cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (*cùng mặt bằng*), thương thảo, ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ căn cứ thực tế thực hiện, các khối lượng, giá trị dịch vụ, hàng hóa nào thuộc đối tượng được giảm VAT theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025. Theo đó hai bên sẽ điều chỉnh mức VAT cho nhóm dịch vụ, hàng hóa này, làm cơ sở xuất hóa đơn và thanh quyết toán theo đúng quy định.

Giá dự thầu bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện hoàn thành công việc của gói thầu. Bao gồm toàn bộ chi phí: hóa chất/thuốc, vật tư/vật liệu tiêu hao, phương tiện, thiết bị, công cụ dụng cụ, nhân công (*thi công, giám sát B, giám sát ATĐ, ...*); tiền thưởng, tiền làm ngoài giờ (*kể cả ngày nghỉ, Lễ, Tết*); đồng phục cho nhân viên; các chi phí về bảo hiểm: BHYT, BHXH, BHTNRR cho nhân sự tham gia gói thầu; bảo hiểm cho bên thứ ba; vận chuyển, bốc xếp, đi lại; phí, lợi nhuận và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc của gói thầu theo đúng quy định của pháp luật./.

